

12月11日

niú niú niú shuǐ niú niú mǎ

(牛 牛 牛) (水 牛) (牛 马)

yáng yáng yáng shān yáng niú yáng

羊 羊 羊 (山 羊) (牛 羊)

guǒ guǒ guǒ shuǐ guǒ guǒ zǐ

果 果 果 (水 果) (果 子)

bái bái bái bái tiān bái sè

(白 白 白) (白 天) (白 色)

()